

BÀN VỀ TIÊU CHÍ “KHÔNG BỊ TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ” LÀM CĂN CỨ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG CÁC NGHỊ ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

PGS-TS CAO VŨ MINH

Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh
University of Economics and Law, Vietnam National University Ho Chi Minh City
Email: minhcv@uel.edu.vn

Tóm tắt

Vi phạm hành chính và vi phạm hình sự đều là hành vi trái pháp luật nhưng do tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau mà chúng sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hay bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Hiện nay, Bộ luật Hình sự đã quy định rõ ràng những hành vi vi phạm là tội phạm. Vì lẽ đó, khi ban hành các nghị định xử phạt vi phạm hành chính, Chính phủ phải quy định hành vi vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính theo nguyên tắc không trùng lặp với những hành vi đã được quy định là tội phạm. Tuy nhiên, nhiều nghị định của Chính phủ lại quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi được quy định là tội phạm với lý do “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”. Bài viết nhận diện về tiêu chí “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” làm căn cứ xử phạt vi phạm hành chính trong các nghị định xử phạt vi phạm hành chính của Chính phủ, luận giải nguyên nhân và đề xuất giải pháp hoàn thiện.

Từ khóa: vi phạm hành chính, vi phạm hình sự, truy cứu trách nhiệm hình sự, xử phạt vi phạm hành chính
Abstract

Both administrative violations and criminal violations are unlawful acts, but due to differences in nature and degree of danger to society, they are subject to either administrative penalties or criminal prosecution. Currently, the Criminal Code clearly defines which violations constitute crimes. Therefore, when issuing decrees on administrative sanctions, the Government must specify which violations are subject to administrative sanctions, ensuring they do not overlap with acts already defined as crimes. However, many government decrees impose administrative sanctions on acts already defined as crimes, citing the reason that they are “not subject to criminal prosecution”. This article identifies the criterion of “not subject to criminal prosecution” as the basis for administrative sanctions in government decrees, analyzes the causes, and proposes solutions for improvement.

Keywords: administrative violations, criminal violations, criminal prosecution, administrative sanctions for violations

DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.531>

Ngày nhận bài: 12/03/2025

Ngày duyệt đăng: 15/12/2025

1. Phân định vi phạm hành chính với vi phạm hình sự

Vi phạm hành chính và vi phạm hình sự đều là hành vi trái pháp luật, có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.¹ Tuy nhiên, điểm khác biệt cơ bản giữa vi phạm hành chính với vi phạm hình sự là mức độ nguy hiểm cho xã hội của vi phạm hình sự cao hơn vi phạm hành chính.²

Theo khoản 1 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025) (gọi tắt là BLHS năm 2015) thì “Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS”. Như vậy, cơ sở pháp lý để phân biệt giữa vi phạm hành chính với vi phạm hình sự (tội phạm) là hành vi nguy hiểm cho xã hội có

¹ Hoàng Thị Kim Quế, *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2015, tr. 392.

² Nguyễn Cảnh Hợp, “Trách nhiệm hành chính: Từ lý luận đến thực tiễn lập pháp ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 3(133), 2020, tr. 5.

được quy định trong BLHS hay không. Trong khá nhiều trường hợp, vi phạm hành chính và tội phạm cùng xâm hại đến một loại khách thể. Tuy nhiên, sự khác biệt cơ bản giữa vi phạm hành chính và tội phạm trong những trường hợp này là tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả gây ra cho xã hội. Cùng một hành vi, nhưng nếu không có gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm với số lượng không lớn thì không phải là tội phạm mà chỉ là vi phạm hành chính.³ Nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định tiêu chí “chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự” nhằm làm căn cứ xử phạt vi phạm hành chính. Vì vậy, “chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự” diễn tả ranh giới, mức độ mà ở đó có sự phân định giữa vi phạm hành chính với tội phạm. Cụ thể:

Một là, số lượng tang vật, hàng hóa vi phạm hay mức độ thiệt hại xảy ra là chỉ số biểu hiện rõ ràng tính chất, mức độ của hậu quả. Đây là tiêu chí định lượng cụ thể nhằm phân biệt giữa tội phạm với vi phạm hành chính. Ví dụ: hành vi vô ý gây thương tích mà tỷ lệ tổn thương có thể từ 31% trở lên sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 138 BLHS năm 2015; hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng trở lên sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 174 BLHS năm 2015.

Hai là, hành vi được đánh giá là gây hậu quả nghiêm trọng đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đơn cử, Nghị định số 282/2025/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi “gây rối trật tự công cộng”. Ngoài ra, Điều 318 BLHS năm 2015 cũng có quy định về Tội gây rối trật tự công cộng. Hành vi “gây rối trật tự công cộng” bị xử phạt vi phạm hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự đều có khách thể bị xâm phạm là trật tự an ninh xã hội.⁴ Tuy nhiên, muốn xử lý hình sự thì hành vi gây rối trật tự công cộng phải “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội” – tức là gây ra những hệ quả tiêu cực, làm suy giảm sự ổn định xã hội, tạo tâm lý bất an trong cộng đồng.⁵

Hiện nay, ở nước ta có 02 pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính (Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng, Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước) và khoảng 90 nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước.⁶ Theo thống kê của tác giả, 02 pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính do Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành không có điều khoản nào sử dụng công thức “chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự”. Các pháp lệnh này quy định rất rõ ràng mức độ của hành vi vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính. Đơn cử, khoản 1 Điều 12 Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng năm 2022 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định “phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi hối lộ tiền trị giá dưới 2.000.000 đồng cho thành viên Đoàn kiểm toán”. Như vậy, nếu hành vi đưa hối lộ tiền có trị giá từ 2.000.000 đồng trở lên cho thành viên Đoàn kiểm toán thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 364 BLHS năm 2015.

Thế nhưng, trong một số nghị định xử phạt vi phạm hành chính của Chính phủ lại có nhiều vi phạm hành chính quy định thêm công thức “chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự”. Đơn cử, điểm d khoản 1 Điều 8 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi “vô ý gây thương tích nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự”. Như vậy, theo các nghị định này thì tiêu chí “chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự” tức là dưới định mức đã được quy định cụ thể trong BLHS năm 2015.

3 Nguyễn Cảnh Hợp (chủ biên), *Giáo trình luật Hành chính Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, 2018, tr. 567.

4 Đoàn Tuấn Minh, Nguyễn Ngọc Diệp, *Phương pháp định tội với 538 tội phạm quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Nxb. Lao động, 2019, tr. 464.

5 Nguyễn Thanh Hải, “Xử lý tội gây rối trật tự công cộng: Cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn”, *Tạp chí Luật sư Việt Nam*, số 7, 2018, tr. 38 - 39.

6 Phụ lục III ban hành kèm theo Báo cáo số 66/BC-BTP ngày 17/02/2025 của Bộ Tư pháp.

2. Nhận diện tiêu chí “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” làm căn cứ xử phạt vi phạm hành chính trong các nghị định xử phạt vi phạm hành chính của Chính phủ

Như đã trình bày, hiện nay, có khoảng 90 nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực do Chính phủ ban hành. Ngoài công thức “chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự”, thời gian gần đây, Chính phủ “khai sinh” thêm công thức “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”. Có thể thấy, trong Nghị định số 282/2025/NĐ-CP có các hành vi vi phạm nếu “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” thì sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính. Cụ thể:

- Khoản 10 Điều 8 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi “hiếp dâm, cưỡng dâm nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”.

- Khoản 5 Điều 12 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi “chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, vật liệu nổ nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”.

- Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi “cưỡng đoạt tài sản nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”.

- Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi “cưỡng ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”.

Tương tự Nghị định số 282/2025/NĐ-CP, trong Nghị định số 125/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 102/2021/NĐ-CP) (gọi tắt là *Nghị định số 125/2020/NĐ-CP*), Chính phủ cũng sử dụng công thức “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”. Theo đó, có một số hành vi vi phạm nếu “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” thì sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính. Cụ thể:

- Khoản 8 Điều 8 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi “buôn bán thuốc lá điều nhập lậu có số lượng từ 1.500 bao trở lên mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” (trường hợp tổ chức vi phạm thì bị phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng).

- Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng cá nhân thực hiện hành vi “buôn bán hàng giả về giá trị sử dụng, công dụng trong trường hợp hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật có trị giá từ 30.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất hợp pháp từ 50.000.000 đồng trở lên mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” (trường hợp tổ chức vi phạm thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng).

Thông qua việc khảo cứu, tác giả nhận thấy, tiêu chí “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” làm căn cứ xử phạt vi phạm hành chính trong các nghị định xử phạt vi phạm hành chính của Chính phủ được sử dụng trong các trường hợp sau: (i) Hành vi xâm phạm khách thể rất quan trọng, được quy định là tội phạm trong BLHS năm 2015 nhưng vì một lý do nào đó mà hành vi này không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị xử phạt vi phạm hành chính; (ii) hành vi xâm phạm khách thể mà pháp luật hành chính và pháp luật hình sự đều bảo vệ. Trong trường hợp này, BLHS năm 2015 đã quy định tiêu chí định lượng cụ thể để truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên vì hành vi này không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị xử phạt vi phạm hành chính.

3. Đi tìm nguyên nhân của tiêu chí “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” làm căn cứ xử phạt vi phạm hành chính trong các nghị định xử phạt vi phạm hành chính của Chính phủ

3.1. Tiêu chí “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” làm căn cứ xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng đối với hành vi bị xem là tội phạm theo Bộ luật Hình sự nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự

Những hành vi vi phạm thuộc nhóm này là những vi phạm hình sự và được quy định trong BLHS năm 2015. Cần lưu ý, BLHS năm 2015 không hề quy định mức độ của hành vi này làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự. Nói cách khác, do khách thể bảo vệ rất quan trọng nên những hành vi vi phạm này chỉ bị xem là tội phạm và không phải là vi phạm hành chính.

3.1.1. Hành vi “hiếp dâm, cưỡng dâm” và “cưỡng ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng”

Điều 141, Điều 143 BLHS năm 2015 quy định về tội hiếp dâm và tội cưỡng dâm. Cụ thể, hiếp dâm là dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lợi dụng tình trạng không thể tự vệ hoặc thủ đoạn khác để giao cấu trái ý muốn nạn nhân. Nạn nhân của tội hiếp dâm là bất kỳ người nào từ đủ 16 tuổi trở lên. Trong khi đó, cưỡng dâm là dùng thủ đoạn khiến người lệ thuộc hoặc đang trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu. Nạn nhân của tội cưỡng dâm là người từ đủ 16 tuổi trở lên. Tuy nhiên, giữa hiếp dâm và cưỡng dâm lại có nhiều điểm tương đồng. Hiếp dâm và cưỡng dâm đều là các tội danh thuộc nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người. Chủ thể của tội hiếp dâm lẫn cưỡng dâm là bất kỳ người nào từ đủ 14 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự. BLHS năm 2015 không quy định mức độ của hành vi hiếp dâm, cưỡng dâm làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự hay xử phạt vi phạm hành chính. Điều này có nghĩa BLHS năm 2015 chỉ xem hiếp dâm, cưỡng dâm là vi phạm hình sự chứ không thể là vi phạm hành chính.

Hiện nay, BLHS không quy định cụ thể về tội “cưỡng ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng”. Pháp luật hiện hành không giải thích cụ thể thế nào là “quan hệ tình dục” mà chỉ có đưa ra cách hiểu về “giao cấu” và “hành vi quan hệ tình dục khác”.

Theo khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 01/10/2019 thì “giao cấu là hành vi xâm nhập của bộ phận sinh dục nam vào bộ phận sinh dục nữ, với bất kỳ mức độ xâm nhập nào”. Ngoài ra, khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP cũng đưa ra cách giải thích về thuật ngữ “hành vi quan hệ tình dục khác”. Theo đó, “hành vi quan hệ tình dục khác” là hành vi đưa bộ phận sinh dục nam xâm nhập vào miệng, hậu môn của người khác hoặc dùng bộ phận khác trên cơ thể (ngón tay, ngón chân, lưỡi...), dụng cụ tình dục xâm nhập vào bộ phận sinh dục nữ, hậu môn của người khác... Như vậy, sự khác nhau giữa “giao cấu” với “hành vi quan hệ tình dục khác” ở chỗ giao cấu là sự xâm nhập của bộ phận sinh dục nam vào bộ phận sinh dục nữ, còn xâm nhập của bộ phận sinh dục nam vào các bộ phận khác không phải bộ phận sinh dục nữ (miệng, hậu môn...) thì đó là “hành vi quan hệ tình dục khác”.

Điều 146 BLHS quy định về hành vi dâm ô đối với người dưới 16 tuổi. Để hướng dẫn cụ thể cho Điều 146 BLHS, khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP quy định: “Dâm ô là hành vi của những người cùng giới tính hoặc khác giới tính tiếp xúc về thể chất trực tiếp hoặc gián tiếp qua lớp quần áo vào bộ phận sinh dục, bộ phận nhạy cảm, bộ phận khác trên cơ thể của người dưới 16 tuổi có tính chất tình dục nhưng

không nhằm quan hệ tình dục”. Như vậy, thuật ngữ “không nhằm mục đích giao cấu hoặc không nhằm thực hiện các hành vi quan hệ tình dục khác” tại khoản 1 Điều 146 BLHS đã được đồng nhất với thuật ngữ “không nhằm quan hệ tình dục” tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 06/2019/NQ-HP. Từ đây, có thể thấy, ngụ ý của nhà làm luật đã xem “quan hệ tình dục” là một khái niệm chung, trong đó có “giao cấu” và “hành vi quan hệ tình dục khác”.

Đối chiếu với các tội phạm xâm hại tình dục trong BLHS năm 2015 (07 tội được quy định tại các điều 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147),⁷ có thể thấy, “cưỡng ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng” có dấu hiệu của tội hiếp dâm (Điều 141) hoặc tội cưỡng dâm (Điều 143).

Như đã trình bày, hành vi “cưỡng ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng” có thể cấu thành tội hiếp dâm hoặc tội cưỡng dâm bởi hành vi quan hệ tình dục được thực hiện bằng phương thức cưỡng ép và tồn tại dấu hiệu trái ý muốn của nạn nhân dẫu biết rằng nạn nhân trong trường hợp này là vợ (hoặc chồng) của người thực hiện hành vi. Pháp luật hình sự hiện hành không loại trừ việc truy cứu trách nhiệm hình sự tội hiếp dâm hoặc cưỡng dâm trong trường hợp người vi phạm là chồng (hoặc vợ). Nói cách khác, nếu chồng (hoặc vợ) cưỡng ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ (hoặc chồng) thì hoàn toàn có thể truy cứu trách nhiệm hình sự về tội hiếp dâm hoặc cưỡng dâm. Trên thực tế, các cơ quan tiến hành tố tụng đã nhiều lần truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người chồng thực hiện hành vi hiếp dâm hoặc cưỡng dâm vợ.⁸ Như vậy, BLHS năm 2015 cũng chỉ quy định hành vi hiếp dâm, cưỡng dâm vợ (hoặc chồng) của chồng (hoặc vợ) là vi phạm hình sự chứ không thể là vi phạm hành chính.

Qua phân tích trên, có thể thấy, chủ thể thực hiện hành vi “hiếp dâm, cưỡng dâm” (kể cả hiếp dâm, cưỡng dâm vợ/chồng) phải là người có đạt độ tuổi nhất định và có năng lực trách nhiệm pháp lý. Nếu chủ thể chưa đạt độ tuổi nhất định hoặc không có năng lực trách nhiệm pháp lý thì không thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trong trường hợp này, chủ thể đó cũng không thể bị truy cứu trách nhiệm hành chính. Như vậy, tiêu chí “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” đối với chủ thể thực hiện hành vi “hiếp dâm, cưỡng dâm” phải chăng là vì lý do bị hại không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự?

Trong thực tế, có những trường hợp việc khởi tố vụ án hình sự và truy cứu trách nhiệm hình sự mặc dù bảo vệ được quyền, lợi ích của Nhà nước, xã hội nhưng lại gây thêm những tổn thất về tinh thần cho đối tượng trực tiếp bị tội phạm tác động là bị hại. Chính vì vậy, pháp luật tố tụng hình sự trao cho bị hại – chủ thể có địa vị pháp lý đặc biệt trong tố tụng hình sự quyền quyết định có khởi tố vụ án hình sự hay không. Theo khoản 1 Điều 155 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025) thì chỉ được khởi tố vụ án hình sự đối với 10 tội phạm quy định tại khoản 1 các Điều 134, 135, 136, 138, 139; 141, 143, 155, 156 và 226 của BLHS năm 2015 khi có yêu cầu của bị hại. Như vậy, đối với hành vi hiếp dâm quy định tại khoản 1 Điều 141 BLHS năm 2015 và cưỡng dâm quy định tại khoản 1 Điều 143 BLHS năm 2015, vụ án hình sự chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của bị hại. Khi bị hại không yêu cầu khởi tố thì cơ quan có thẩm quyền sẽ không khởi tố vụ án hình sự và người thực hiện hành vi “hiếp dâm, cưỡng dâm” sẽ “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”.⁹ Trường hợp bị hại đã

7 Vũ Hải Anh, “Một số điểm mới của bộ luật hình sự năm 2015 về các tội phạm tình dục”, *Tạp chí Nghề Luật*, số 3, 2016, tr. 32.

8 Báo Pháp luật Việt Nam, “Cưỡng bức tình dục trong hôn nhân - vô tội hay không?”, 2020, <https://baophapluat.vn/cuong-buc-tinh-duc-trong-hon-nhan-vo-toi-hay-khong-post333281.html>, truy cập ngày 01/12/2025; VnExpress, “Bị bắt vì hiếp dâm vợ”, 2020, <https://vnexpress.net/bi-bat-vi-hiep-dam-vo-4057787.html>, truy cập ngày 01/12/2025.

9 Đoàn Công Thiện, “Về khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại”, *Tạp chí Luật sư Việt Nam*, số 4, 2022, tr. 42.

yêu cầu khởi tố rút yêu cầu thì vụ án phải được đình chỉ.¹⁰ Đình chỉ vụ án hình sự là một hình thức kết thúc hoạt động tố tụng trong giai đoạn tố tụng cụ thể, dẫn đến hậu quả là mọi hoạt động tố tụng đều phải chấm dứt.¹¹ Như vậy, trong trường hợp này, người thực hiện hành vi “hiếp dâm, cưỡng dâm” cũng sẽ “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”. Bản chất của hành vi “hiếp dâm, cưỡng dâm” là vi phạm hình sự, nhưng vì lý do người bị hại không yêu cầu khởi tố hoặc rút yêu cầu khởi tố nên chủ thể thực hiện hành vi không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, không phải vì lý do chủ thể thực hiện hành vi không bị truy cứu trách nhiệm hình sự mà lại xử phạt vi phạm hành chính.

3.1.2. Hành vi “chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, vật liệu nổ”

Điều 304 BLHS năm 2015 quy định hành vi chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm. Trong trường hợp đối tượng là vật liệu nổ thì hành vi chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép hoặc chiếm đoạt sẽ bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm (Điều 305 BLHS năm 2015). Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 09/9/2022 cũng hướng dẫn rõ ràng về việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm nêu trên. Như vậy, BLHS năm 2015 và các văn bản hướng dẫn áp dụng xem hành vi chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, vật liệu nổ là tội phạm hình sự. Các văn bản quy phạm pháp luật này không đặt ra ranh giới, mức độ để có thể căn cứ vào đó không xử lý hình sự mà chỉ xử phạt vi phạm hành chính.

Xét về chủ thể thì người thực hiện hành vi “chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, vật liệu nổ” phải đạt độ tuổi nhất định và có năng lực trách nhiệm pháp lý. Do đó, nếu vì lý do chủ thể chưa đạt độ tuổi nhất định hoặc không có năng lực trách nhiệm pháp lý thì không thể truy cứu trách nhiệm hình sự. Trong trường hợp không truy cứu trách nhiệm hình sự thì cũng không thể xử phạt vi phạm hành chính. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả không tìm thấy lý do để luận giải cho trường hợp không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, vật liệu nổ để từ đó tiến hành xử phạt vi phạm hành chính.

3.1.3. Hành vi “cưỡng đoạt tài sản”

Điều 170 BLHS năm 2015 quy định người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản thì bị truy cứu về tội cưỡng đoạt tài sản. Chủ thể của tội cưỡng đoạt tài sản là bất kỳ người nào từ đủ 14 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự. BLHS năm 2015 không hề quy định tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, mức độ thiệt hại xảy ra hay trị giá tài sản bị cưỡng đoạt làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự hay xử phạt vi phạm hành chính. Do cưỡng đoạt tài sản là vi phạm có cấu thành hình thức nên chỉ cần có hành vi là đã thỏa mãn tội phạm. Điều này có nghĩa BLHS năm 2015 chỉ xem cưỡng đoạt tài sản là vi phạm hình sự chứ không thể là vi phạm hành chính. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả cũng không tìm thấy lý do để luận giải cho trường hợp không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản để từ đó tiến hành xử phạt vi phạm hành chính.

3.2. Tiêu chí “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” làm căn cứ xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng đối với hành vi có tiêu chí định lượng cụ thể mà Bộ luật Hình sự quy định là tội phạm nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự

¹⁰ Khoản 2 Điều 155 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025).

¹¹ Ngô Thị Kim Khánh, “Đình chỉ vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm theo Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 1, 2020, tr. 45.

3.2.1. Hành vi “buôn bán thuốc lá điều nhập lậu có số lượng từ 1.500 bao trở lên”

Theo Điều 190 BLHS năm 2015 thì hành vi buôn bán thuốc lá điều nhập lậu từ 1.500 bao đến dưới 3.000 bao sẽ bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Trong trường hợp chủ thể thực hiện hành vi là pháp nhân thương mại thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng. Hành vi buôn bán thuốc lá điều nhập lậu từ 1.500 bao trở lên sẽ luôn bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Như vậy, Nghị định số 125/2020/NĐ-CP dựa vào lý do gì để quy định tiêu chí “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” làm căn cứ xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi “buôn bán thuốc lá điều nhập lậu có số lượng từ 1.500 bao trở lên”?

Xét về cấu thành thì chủ thể thực hiện hành vi quy định tại Điều 190 BLHS năm 2015 là cá nhân hoặc pháp nhân thương mại. Pháp nhân thương mại là pháp nhân hoạt động có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên, bao gồm doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác. Pháp nhân thương mại trước hết là một tổ chức có tư cách pháp nhân. Tuy nhiên, không phải tổ chức nào cũng có tư cách pháp nhân và không phải pháp nhân nào cũng là pháp nhân thương mại.¹² Do đó, không thể truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các tổ chức không phải là pháp nhân thương mại. Phải chăng vì lý do mong muốn có cơ sở pháp lý để xử lý tổ chức không phải là pháp nhân thương mại thực hiện hành vi “buôn bán thuốc lá điều nhập lậu có số lượng từ 1.500 bao trở lên” mà Nghị định số 125/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính khi tổ chức đó “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”?

3.2.2. Hành vi “buôn bán hàng giả về công dụng có trị giá từ 30.000.000 đồng hoặc thu lợi bất hợp pháp từ 50.000.000 đồng trở lên”

Theo Điều 192 BLHS năm 2015 thì hành vi buôn bán hàng giả về công dụng có trị giá từ 30.000.000 đồng hoặc thu lợi bất hợp pháp từ 50.000.000 đồng trở lên sẽ bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Trong trường hợp chủ thể thực hiện hành vi là pháp nhân thương mại thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng. Hành vi buôn bán hàng giả về công dụng có trị giá từ 30.000.000 đồng hoặc thu lợi bất hợp pháp từ 50.000.000 đồng trở lên sẽ luôn bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Câu hỏi đặt ra là căn cứ vào cơ sở nào mà Nghị định số 125/2020/NĐ-CP lại quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi “buôn bán hàng giả về công dụng có trị giá từ 30.000.000 đồng hoặc thu lợi bất hợp pháp từ 50.000.000 đồng trở lên”? Phải chăng để xử lý đối với tổ chức không phải là pháp nhân thương mại thực hiện hành vi “buôn bán hàng giả về công dụng có trị giá từ 30.000.000 đồng hoặc thu lợi bất hợp pháp từ 50.000.000 đồng trở lên” mà Nghị định số 125/2020/NĐ-CP mới “khai sinh” thêm quy định xử phạt vi phạm hành chính khi tổ chức này “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”?

4. Những hệ quả pháp lý tiêu cực phát sinh từ tiêu chí “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” làm căn cứ xử phạt vi phạm hành chính trong các nghị định xử phạt vi phạm hành chính của Chính phủ

Thứ nhất, tiêu chí “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” làm căn cứ xử phạt vi phạm hành chính trong các nghị định xử phạt vi phạm hành chính của Chính phủ tạo ra sự không thống nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam

Bảo đảm tính thống nhất của pháp luật là một yêu cầu rất quan trọng trong ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Điều này trở thành nguyên tắc cốt lõi và được quy định cụ thể tại Điều 5 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa

¹² Nguyễn Văn Tuấn, “Các biện pháp tư pháp áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội trong Bộ luật Hình sự năm 2015”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 22, 2022, tr. 17.

đối, bổ sung năm 2025). Về mặt nội dung, tính thống nhất của pháp luật đòi hỏi văn bản quy phạm pháp luật trong cùng một lĩnh vực hoặc trong những lĩnh vực khác nhau phải tạo ra sự nhất quán để điều chỉnh hiệu quả các quan hệ xã hội. Hiện nay, BLHS năm 2015 đã quy định hành vi “chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, vật liệu nổ”, “cưỡng đoạt tài sản” là tội phạm hình sự thì khi chủ thể thực hiện những hành vi này trên thực tế phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự chứ không thể xử phạt vi phạm hành chính. Việc nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính các hành vi “chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, vật liệu nổ”, “cưỡng đoạt tài sản” cho dù với lý do “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” cũng là mâu thuẫn với BLHS năm 2015. Điều này đã tạo ra sự không thống nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Thứ hai, tiêu chí “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” làm căn cứ xử phạt vi phạm hành chính trong các nghị định xử phạt vi phạm hành chính của Chính phủ gây khó khăn trong hoạt động áp dụng pháp luật

Nếu một chủ thể buôn bán thuốc lá điều nhập lậu có số lượng từ 1.500 bao trở lên nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử phạt vi phạm hành chính. Từ đây, có thể thấy, trường hợp một chủ thể buôn bán hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu có số lượng từ 1.500 bao trở lên sẽ có hai hướng giải quyết: (i) có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội buôn bán hàng cấm theo Điều 190 BLHS năm 2015; (ii) bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 98/2020/NĐ-CP nếu không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Hiện nay, cơ sở pháp lý phân định vấn đề này không rõ ràng, từ đó dẫn đến vướng mắc là người có thẩm quyền khi phát hiện ra hành vi buôn bán hàng cấm là 1.500 bao thuốc lá nhập lậu thì không biết sẽ chuyển cho cơ quan tiến hành tố tụng hay giữ lại để xử phạt vi phạm hành chính. Ở chiều ngược lại, các cơ quan tiến hành tố tụng cũng không rõ trường hợp nào tiến hành truy cứu trách nhiệm hình sự, trường hợp nào phải chuyển lại cho người có thẩm quyền để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Tương tự, chủ thể thực hiện hành vi “buôn bán hàng giả về công dụng có trị giá từ 30.000.000 đồng hoặc thu lợi bất hợp pháp từ 50.000.000 đồng trở lên” cũng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 98/2020/NĐ-CP nếu không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Vấn đề cần bàn là không có cơ sở pháp lý để minh định trường hợp nào thì xử lý hình sự, trường hợp nào thì chỉ xử phạt vi phạm hành chính. Bất cập này tạo ra sự khó khăn trong hoạt động áp dụng pháp luật.¹³

Thứ ba, tiêu chí “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” làm căn cứ xử phạt vi phạm hành chính trong các nghị định xử phạt vi phạm hành chính của Chính phủ rất dễ làm cho chủ thể có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính ngộ nhận rằng mình có thẩm quyền đánh giá hành vi trái pháp luật nào là vi phạm hành chính hay tội phạm, mà xem nhẹ việc tuân thủ các căn cứ pháp luật

Trước đây, Nghị định số 144/2021/NĐ-CP có điều khoản quy định về thủ tục xử phạt đối với những hành vi đồng thời được quy định trong BLHS năm 2015. Theo đó, khi phát hiện những hành vi trong Nghị định số 144/2021/NĐ-CP đồng thời được quy định trong BLHS năm 2015 thì người có thẩm quyền đang thụ lý vụ việc phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm đến cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự; quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự; quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự; quyết định đình chỉ điều tra bị can; quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can; quyết định đình chỉ vụ án;

¹³ Michiel J.J.P. Luchtman, “Towards a transnational application of the legality principle in the EU’s area of freedom, security and justice?”, *Utrecht Law Review*, Vol. 9(4), 2013, tr. 11.

quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can và trả lại hồ sơ vụ việc cho người có thẩm quyền xử phạt đã chuyển hồ sơ đến, thì chuyển hồ sơ vụ vi phạm đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Đơn cử, khi cá nhân thực hiện hành vi cố ý gây thương tích thì người có thẩm quyền đang thụ lý vụ việc phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm đến cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự. Trong trường hợp có kết luận của cơ quan tiến hành tố tụng về việc không truy cứu trách nhiệm hình sự thì người thực hiện hành vi này mới bị xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, khi thay thế Nghị định số 144/2021/NĐ-CP bằng Nghị định số 282/2025/NĐ-CP,¹⁴ Chính phủ đã không còn duy trì điều khoản này. Thiếu vắng quy phạm thủ tục nêu trên cùng với sự chòng chéo giữa chế tài hành chính và chế tài hình sự có thể dẫn đến thực trạng là khi phát hiện hành vi vi phạm, chủ thể có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính sẽ tự đánh giá về hành vi vi phạm và giữ lại để xử phạt vi phạm hành chính. Điều này có thể dẫn đến tình trạng hành chính hóa các vi phạm hình sự.

Thứ tư, tiêu chí “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” làm căn cứ xử phạt vi phạm hành chính trong các nghị định xử phạt vi phạm hành chính của Chính phủ có thể dẫn đến việc áp dụng chế tài pháp lý không phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi

Về mặt lý luận, trách nhiệm pháp lý được phân định thành trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự, trách nhiệm kỷ luật, trách nhiệm vật chất.¹⁵ Trách nhiệm hành chính là hậu quả của vi phạm hành chính, được thể hiện thông qua việc xử phạt vi phạm hành chính. Như vậy, nếu không có vi phạm hành chính thì không có trách nhiệm hành chính và không thể xử phạt vi phạm hành chính.¹⁶ Trong khi đó, trách nhiệm hình sự là loại trách nhiệm pháp lý nặng nhất, do Tòa án áp dụng đối với chủ thể thực hiện hành vi phạm tội.¹⁷ Về nguyên tắc, khi chủ thể thực hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm thì phải xử lý bằng chế tài hình sự chứ không thể xử lý bằng chế tài hành chính.¹⁸ Những hành vi như “hiếp dâm”, “cưỡng dâm”, “cưỡng đoạt tài sản” về bản chất là vi phạm hình sự nên phải áp dụng trách nhiệm hình sự để giải quyết. Những hành vi này không phải là vi phạm hành chính nên việc tiến hành xử phạt vi phạm hành chính vì lý do “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” là áp dụng chế tài pháp lý không phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi.

5. Kiến nghị hoàn thiện

Pháp luật Liên minh châu Âu quy định rõ ràng nguyên tắc “*ne bis in idem*” – tức là cấm trừng phạt hai lần cho cùng một tội danh.¹⁹ Về mặt lập pháp, nguyên tắc này cũng đặt ra yêu cầu là không đồng thời áp dụng các biện pháp trừng phạt hình sự và trừng phạt hành chính đối với một hành vi vi phạm.²⁰ Muốn như vậy thì việc phân định hành vi vi phạm nào bị xử phạt vi phạm hành chính với hành vi vi phạm nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự đóng vai trò rất quan trọng.²¹

14 Khoản 1, 4 Điều 69 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP quy định: “*Nghị định này thay thế Nghị định số 144/2021/NĐ-CP và có hiệu lực thi hành từ ngày 15/12/2025*”. Như vậy, Nghị định số 144/2021/NĐ-CP hết hiệu lực thi hành vào ngày 15/12/2025.

15 Hoàng Thị Kim Quế, *Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2015, tr. 399.

16 Nguyễn Cửu Việt, *Giáo trình Luật hành chính Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, tr. 507.

17 Hoàng Thị Tuệ Phương, “*Bàn về miễn trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam trên nền tảng của nguyên tắc suy đoán vô tội*”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 04, 2018, tr. 47.

18 Agnieszka Serzysko, “*Administrative and criminal sanctions in polish law*”, *Eucrim*, Vol. 7(1), 2012, tr. 42, DOI: <https://doi.org/10.30709/eu-crim-2012-001>

19 Juliette Lelieur, “*Transnationalising Ne Bis in Idem: How the rule of Ne Bis in Idem reveals the principle of personal legal certainty*”, *Utrecht Law Review*, Vol. 9(4), 2013, tr. 198.

20 Citation Kawka, Jakub, “*The problems of applying both criminal and administrative penal sanctions in light of Article 50 of the Charter of Fundamental Rights of the European Union*”, *Studia Iuridica*, Vol. 82(null), 2019, tr. 161, DOI: <https://doi.org/10.5604/01.3001.0013.9617>

21 Cao Vũ Minh, Cao Thị Ngọc Anh, “*The difference and relationship between administrative violations and criminal offenses under Vietnamese law*”, *Tunghai University Law Review*, Vol. 67, 2024, tr. 31.

Hiện nay, BLHS năm 2015 đã quy định rất cụ thể về tội phạm và hình phạt. Do đó, không phải vì lý do hành vi “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” mà tiến hành xử phạt vi phạm hành chính. Vì lẽ này mà Chính phủ cần cân nhắc loại bỏ tiêu chí “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” làm căn cứ xử phạt vi phạm hành chính trong các nghị định xử phạt vi phạm hành chính của Chính phủ. Cụ thể:

Một là, đối với những vi phạm mà BLHS năm 2015 đã có quy định mang tính định lượng cụ thể (như giá trị, số lượng...) để truy cứu trách nhiệm hình sự thì theo nguyên tắc loại trừ, những hành vi vi phạm chưa tới định lượng cụ thể đó mới bị xử phạt vi phạm hành chính. Một khi vi phạm đã đến định lượng cụ thể được quy định trong BLHS năm 2015 thì phải xem là tội phạm và truy cứu trách nhiệm hình sự. Trong trường hợp vì lý do tổ chức vi phạm không phải là pháp nhân thương mại nên không thể truy cứu trách nhiệm hình sự thì sẽ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cá nhân (người đứng đầu, người quản lý, thành viên...) trong tổ chức đó nếu họ có hành vi phạm tội.²² Trong trường hợp này, chúng ta cũng không lo lắng về việc “bỏ sót” chủ thể vi phạm bởi việc truy cứu trách nhiệm hình sự có thể áp dụng đối với nhiều người cố ý cùng thực hiện một tội phạm (đồng phạm).²³ Do đó, Nghị định số 125/2020/NĐ-CP cần loại bỏ quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi “buôn bán thuốc lá điều nhập lậu có số lượng từ 1.500 bao trở lên”, “buôn bán hàng giả về công dụng có trị giá từ 30.000.000 đồng hoặc thu lợi bất hợp pháp từ 50.000.000 đồng trở lên” vì lý do “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”.

Hai là, đối với những vi phạm tuy được quy định trong BLHS năm 2015 như “hiếp dâm, cưỡng dâm” nhưng chỉ có thể khởi tố vụ án hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự theo yêu cầu của bị hại thì cần tôn trọng quyền quyết định của bị hại. Việc tôn trọng quyền quyết định của bị hại không chỉ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trước các vấn đề nhạy cảm (danh dự, nhân phẩm...) mà còn tạo điều kiện cho việc giải quyết các vi phạm ít nghiêm trọng một cách linh hoạt, nhân văn. Khi bị hại không yêu cầu khởi tố hoặc rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự thì đồng nghĩa với việc bị hại không muốn các cơ quan nhà nước truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể thực hiện hành vi. Vì vậy, việc các cơ quan nhà nước tiến hành xử phạt vi phạm hành chính vì lý do “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” là không thỏa đáng. Một điều đáng để suy ngẫm là những hành vi như “cố ý gây thương tích mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%” (khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015) hay “vô ý gây thương tích mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%” (khoản 1 Điều 138 BLHS năm 2015) cũng được khởi tố theo yêu cầu của bị hại nhưng Nghị định số 282/2025/NĐ-CP cũng không quy định xử phạt vi phạm hành chính vì lý do “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”. Việc không quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi “cố ý gây thương tích mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%” hay “vô ý gây thương tích mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%” là chính xác và phù hợp với các quy định liên quan đến tôn trọng quyền tự quyết của bị hại. Vì vậy, Nghị định số 282/2025/NĐ-CP cần bãi bỏ quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi “hiếp dâm”, “cưỡng dâm” hoặc “cưỡng ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng” vì lý do “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”.

Ba là, điểm b khoản 1 Điều 10 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định Quốc hội ban hành luật, bộ luật để quy định về tội phạm và hình phạt. Cụ thể hóa điều khoản này, trên cơ sở khách thể loại,

22 Phan Thị Nhật Tài, Trịnh Tuấn Anh, “Trách nhiệm hình sự của pháp nhân dưới góc độ luật học so sánh”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 4, 2018, tr. 31.

23 Sabine Gless, John A.E. Vervaele, “Law should govern: Aspiring general principles for transnational criminal justice”, *Utrecht Law Review*, Vol. 9(4), 2013, tr. 8.

BLHS năm 2015 đã quy định những vi phạm bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Vì lẽ đó, Chính phủ không được quy định chính hành vi đó là vi phạm hành chính để xử phạt vi phạm hành chính vì lý do “không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”. Cụ thể, những hành vi như “chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, vật liệu nổ”, “cưỡng đoạt tài sản” không thể là vi phạm hành chính. Do đó, cần loại bỏ việc xử phạt vi phạm hành chính trong Nghị định số 282/2025/NĐ-CP để trả về đúng vị trí là tội phạm hình sự được quy định trong BLHS năm 2015. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Agnieszka Serzynska, “Administrative and criminal sanctions in polish law”, *Eucrium*, Vol. 7(1), 2012, DOI: [ht-tps://doi.org/10.30709/eu-crim-2012-001](https://doi.org/10.30709/eu-crim-2012-001)
- [2] Citation Kawka, Jakub, “The problems of applying both criminal and administrative penal sanctions in light of Article 50 of the Charter of Fundamental Rights of the European Union”, *Studia Iuridica*, Vol. 82(null), 2019, DOI: <https://doi.org/10.5604/01.3001.0013.9617>
- [3] Juliette Lelieur, “Transnationalising Ne Bis in Idem: How the rule of Ne Bis in Idem reveals the principle of personal legal certainty”, *Utrecht Law Review*, Vol. 9(4), 2013
- [4] Michiel J.J.P. Luchtman, “Towards a transnational application of the legality principle in the EU’s Area of Freedom, security and justice?”, *Utrecht Law Review*, Vol. 9(4), 2013
- [5] Cao Vũ Minh, Cao Thị Ngọc Anh, “The difference and relationship between administrative violations and criminal offenses under Vietnamese law”, *Tunghai University Law Review*, Vol. 67, 2024
- [6] Sabine Gless, John A.E. Vervaele, “Law should govern: Aspiring general principles for transnational criminal justice”, *Utrecht Law Review*, Vol. 9(4), 2013
- [7] Ngô Thị Kim Khánh, “Đình chỉ vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm theo Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 1, 2020 [trans: Ngo Thi Kim Khanh, “Suspension of a case during the preparatory stage of first-instance trial according to the 2015 Criminal Procedure Code”, *Vietnam Journal of Legal Sciences*, No. 1, 2020]
- [8] Nguyễn Cảnh Hợp, “Trách nhiệm hành chính: Từ lý luận đến thực tiễn lập pháp ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 3, 2020 [trans: Nguyen Canh Hop, “Administrative responsibility: From theory to legislative practice in Vietnam”, *Journal of Legal Sciences*, No. 3, 2020]
- [9] Hoàng Thị Tuệ Phương, “Bàn về miễn trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam trên nền tảng của nguyên tắc suy đoán vô tội”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 04, 2018 [trans: Hoang Thi Tue Phuong, “Discussion on exemption from criminal liability under Vietnamese criminal law based on the principle of presumption of innocence”, *Journal of Legal Sciences*, No. 4, 2018]
- [10] Hoàng Thị Kim Quế, *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2015 [trans: Hoang Thi Kim Que, *Textbook on General Theory of State and Law*, Hanoi National University Publishing House, 2015]
- [11] Nguyễn Cửu Việt, *Giáo trình Luật hành chính Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013 [trans: Nguyen Cuu Viet, *Textbook on Vietnamese Administrative Law*, National Political Publishing House, Hanoi, 2013]